TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 7 – 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Khương

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã ML, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Hồ Ngọc T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PS, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014 trên cơ sở quen biết, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết

hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị N trình bày là do vợ chồng sống chung không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cải, phía anh T không tin tưởng vợ. Từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn mất hạnh phúc.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời sống chung vợ chồng không có nợ ai hay ngược lại không có ai nợ vợ chồng.

Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung không có, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Phía bị đơn là anh Hồ Ngọc T trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh T cũng thống nhất ý kiến trình bày chị N. Tuy N, anh T cho rằng do tính chất công việc nên không có nhiều thời gian quan tâm chia sẽ với chị N và anh có cố gắng làm ăn để tạo dụng kinh tế gia đình.

Nay anh T không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị N. Ngoài ra không có yêu cầu thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị N yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Ngọc T. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là anh T không đồng ý ly hôn mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2014 trên sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T; phía anh T không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không tự đoàn tụ được. Tuy N, do chị N và anh T chung sống như

vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh T là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị N và anh T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0011717, ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị N không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kiều N với anh Hồ Ngọc T.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0011717, ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị N không phải nộp thêm.

5/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo